
Bản án: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29/02/2024
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình – Ly hôn, về nuôi con
chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên Tòa : Bà Huỳnh Thị Phụng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng : Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 715/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2023 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “ Ly hôn, nuôi con chung ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm m số : 63/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa;

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị X, sinh năm: 1996; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Mai Hoàng Q, sinh năm: 1995; địa chỉ: khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và anh Q trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào ngày 16/6/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/11/2007. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi nhau, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa

chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2020 cho đến nay. Nay chị thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Hoàng Q; Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Hoàng Trúc C - sinh ngày 11/11/2017, hiện đang ở với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Mai Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai , thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “ Ly hôn, nuôi con chung” giữa chị và anh Q. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q đã nhận được các thủ tục tố tụng Tòa án tổng đạt nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án , vắng mặt tại phiên tòa . Xét thấy việc vắng mặt của anh Q không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị X, anh Mai Hoàng Q.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Mai Hoàng Q trước khi cưới nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào ngày 16/6/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/11/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, vợ chồng đã rất nhiều lần cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, anh chị sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay, giữa chị X và anh Q không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai lấy sống. Nay chị X thấy rằng mâu thuẫn giữa chị và anh Q không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Q. Đối với anh Q, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về việc chị X xin ly hôn nhưng anh Q vẫn không có ý kiến gì về việc chị X xin ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của chị X và anh Q phải được xây dựng trên cơ sở tự

nguyện, lâu dài, bền vững, vợ chồng cùng quan tâm chăm sóc nhau; như lời trình bày của chị X thì vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Như vậy, hôn nhân của chị X và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; X xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Mai Hoàng Q.

{2.2} Về con chung: Anh - chị có 01 người con chung tên Mai Hoàng Trúc C - sinh ngày 11/11/2017, hiện đang ở với chị X, chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho anh Q nhưng anh Q không thể hiện ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc chị X yêu cầu được nuôi cháu C. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị X và anh Q sống ly thân cho đến nay, cháu C sống với chị X, chị vẫn chăm sóc cho cháu phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần, anh Q không tới lui thăm nom chăm sóc con mà để mặc chị Xuân nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; X xử giao cháu C cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chị X không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

{2.3} Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị X phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp theo biên lai thu tiền số 2319 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: X xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Mai Hoàng Q.

2. Về con chung: Xử giao cháu Mai Hoàng Trúc C - sinh ngày 11/11/2017 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, chị X không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền đến thăm nom , chăm sóc , giáo dục con chung , không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị X phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp theo biên lai thu tiền số 2319 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án.
- Đương sự;
- UBND xã
- L- u HS, VP.

Nguyễn Thị Chuyên